

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **69/2021/HNGĐ – ST**

Ngày: 22/11/2021

"V/v: Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Thành Đô;

2/ Bà Lê Thị Thận;

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 22 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 328/2021/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2021, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐST – HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Mã Thị L, sinh năm: 1995

Nơi cư trú: Thôn 5, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Phan Văn D, sinh năm: 1991

Nơi cư trú: Thôn 4, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 8 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mã Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phan Văn D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước theo giấy đăng ký kết hôn số 4, ký ngày 10/01/2019. Quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh Phan Văn D không phụ giúp chị trong việc chăm sóc con nhỏ, thường tỏ thái độ chị ăn bám gia đình, so đo chấp vặt với chị từng việc trong gia đình. Ngoài ra, anh Phan Văn D thường xuyên đi nhậu rồi về nhà kiểm chuyện với chị, ghen tuông vô cớ, đôi khi còn dùng vũ lực với chị. Thời gian gần đây nhất là tối ngày 23/8/2021 anh Phan Văn D đã say xỉn mắng chửi với lời lẽ xúc phạm chị, anh Phan Văn D sử dụng vũ lực với chị và dùng dao đe dọa chị. Việc làm của anh Phan Văn D đã khiến chị sợ hãi nên ngày 24/8/2021 chị đã về nhà ngoại sinh sống cho đến nay. Trong thời gian chị về nhà bà ngoại sinh sống, đôi bên không còn sự quan tâm, chăm sóc nhau mà anh Phan Văn D còn nhiều lần có lời lẽ xúc phạm danh dự gia đình chị. Khi chị đề nghị ly hôn với anh Phan Văn D thì anh Phan Văn D không hợp tác, gây khó dễ bằng việc yêu cầu trả lại tiền cưới mới đồng ý ly hôn. Nay vợ chồng không có tình cảm, không thể hòa giải đoàn tụ, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phan Văn D.

Về con chung: Chị và anh Phan Văn D có 01 con chung tên là Phan Diệu A, sinh ngày 21/5/2019. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu giải quyết

Về chia tài sản chung: Chị và anh Phan Văn D không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh Phan Văn D không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Văn D vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án anh Phan Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh nhất trí với lời khai về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn của chị Mã Thị L. Anh xác nhận việc vợ chồng cãi nhau là có nhưng không có xảy ra xô xát bạo lực như chị Mã Thị L đã khai. Việc cãi nhau chủ yếu là do chị Mã Thị L chỉ dành thời gian cho việc nhắn tin, điện thoại, thường xuyên về nhà mẹ đẻ mà không dành thời gian chăm sóc gia đình, dọn dẹp nhà cửa. Việc anh ghen tuông là có vì anh đã bắt gặp tin nhắn của chị Mã Thị L với người khác. Sau khi chị Mã Thị L về nhà ngoại. Anh không tìm kiếm chị Mã Thị L để hàn gắn mâu thuẫn. Nay chị Mã Thị L yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Trường hợp

chị Mã Thị L kiên quyết ly hôn thì chị Mã Thị L phải trả lại tiền cưới hỏi cho gia đình anh thì anh mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh nhất trí với lời khai của chị Mã Thị L về con chung. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết

Về chia tài sản chung: Không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án. Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Mã Thị L.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Phan Diệu A, sinh ngày 21/5/2019 cho chị Mã Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Phan Văn D (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại

khách quan. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Phan Văn D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mã Thị L và anh Phan Văn D đều khai nhận anh chị có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp giấy đăng ký kết hôn số 4, ký ngày 10/01/2019. Lời khai của chị Mã Thị L và anh Phan Văn D phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 02). Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch”*. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Mã Thị L và anh Phan Văn D là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn của nguyên đơn chị Mã Thị L:

Xét mâu thuẫn của vợ chồng: Theo lời khai của chị Mã Thị L thì cuộc sống hôn nhân của chị và anh Phan Văn D không hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh Phan Văn D thường xuyên đi nhậu rồi kiếm chuyện gây gổ, có lời lẽ sỉ nhục chị, nhiều lần ghen tuông vô cớ và đôi khi còn dùng vũ lực như tát chị. Anh Phan Văn D thừa nhận việc cãi nhau giữa vợ chồng là có. Tuy nhiên, theo anh Phan Văn D vợ chồng vẫn sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn, không có xảy ra việc bạo lực. Chị Mã Thị L thừa nhận không có người làm chứng để chứng minh cho lời khai của mình do các mâu thuẫn chỉ có gia đình bên chồng chứng kiến. Tuy nhiên, chị có cung cấp đoạn tin nhắn trong đó anh Phan Văn D có thừa nhận do tức giận nên tát chị Mã Thị L hai lần. Mặt khác, qua các tài liệu, chứng cứ do chị Mã Thị L cung cấp cho Tòa án thể hiện việc anh Phan Văn D không có sự tin tưởng vào chị Mã Thị L, có những lời nói xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của chị Mã Thị L.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Phan Văn D khai nhận vì con cái nên anh mong muốn đoàn tụ gia đình với chị Mã Thị L. Xét, tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Tuy nhiên, trong thời gian chị Mã Thị L về nhà mẹ đẻ sinh sống, anh Phan Văn D không thể hiện sự thương yêu, quan tâm, chăm sóc và thiện chí hàn gắn mâu thuẫn mà còn có thái độ, lời nói làm tăng thêm hiềm khích, mâu thuẫn giữa các bên. Điều này được thể hiện qua các đoạn tin nhắn mà chị Mã Thị L cung cấp cho Tòa án. Mặt khác, tại biên bản hòa giải lập ngày 01/10/2021 cũng như tài liệu, chứng cứ chị Mã Thị L

cung cấp cho Tòa án (bút lục số 28, 37) có nội dung: “*Nếu chị Mã Thị L kiên quyết ly hôn thì chị Mã Thị L trả lại tiền cưới hỏi cho gia đình tôi thì tôi đồng ý*” thể hiện việc anh Phan Văn D mong muốn đoàn tụ không phải để cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc mà là việc yêu sách của cải để buộc người khác phải duy trì quan hệ hôn nhân trái với ý muốn của họ thuộc trường hợp cản trở việc ly hôn được pháp luật nghiêm cấm quy định tại khoản 10 Điều 3 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, mong muốn đoàn tụ của anh Phan Văn D không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn của anh chị là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc hòa giải đoàn tụ không còn ý nghĩa. Do đó, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mã Thị L.

[4] Về con chung: Chị Mã Thị L và anh Phan Văn D khai nhận vợ chồng có 01 con chung tên là Phan Diệu A, sinh ngày 21/5/2019. Lời khai của chị Mã Thị L và anh Phan Văn D phù hợp với giấy khai sinh đã được giao nộp hợp pháp. Chị Mã Thị L và anh Phan Văn D đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét, theo tài liệu chị Mã Thị L cung cấp cho Tòa án cho thấy chị Mã Thị L có công việc và nguồn thu nhập ổn định, thời gian làm việc hợp lý thuận lợi cho việc chăm sóc con nhỏ. Đồng thời chị Mã Thị L có nơi ở ổn định. Mặt khác, tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi*”. Tính đến thời điểm này cháu Phan Diệu A mới có 30 tháng tuổi. Như vậy, có đủ cơ sở xác định chị Mã Thị L có đủ điều kiện cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Đối với anh Phan Văn D cũng có nguyện vọng nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, anh Phan Văn D không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho nguyện vọng của mình. Bên cạnh đó, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Phan Văn D nhưng anh Phan Văn D đều vắng mặt. Việc anh Phan Văn D vắng mặt coi như tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Như vậy, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu Phan Diệu A theo quy định vào khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần giao cháu Phan Diệu Anh cho chị Mã Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Phan Văn D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; Có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà

không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phan Văn D, chị Mã Thị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản chung: Anh Phan Văn D, chị Mã Thị L đều khai nhận anh chị không có tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Anh Phan Văn D, chị Mã Thị L đều khai nhận anh chị không có nợ chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn chị Mã Thị L phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mã Thị L. Chị Mã Thị L được ly hôn với anh Phan Văn D.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phan Diệu A, sinh ngày 21/5/2019 cho chị Mã Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Phan Văn D có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai

được cản trở. Vì lợi ích của con chưa thành niên, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phan Văn D, chị Mã Thị L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về chia tài sản chung: Anh Phan Văn D, chị Mã Thị L không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về nợ chung: Anh Phan Văn D, chị Mã Thị L không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí: Nguyên đơn chị Mã Thị L phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 016441 ký ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước (đã nộp xong).

7. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/11/2021). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh